TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 4 – 2021
"V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Minh Chánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trương Văn Chung.

2. Ông: Lê Thị Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021và quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Công Văn P, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG. (có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực 4, phường TA, thị xã LM, tỉnh HG

3.3. Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng D(gọi tắt chị D) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Công Văn P quen biết với nhau là do mai mối và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 10 năm 2014 hôn tại Ủy ban nhân xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị D và anh P đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống chị D và anh P có 01 con chung tên Công Thị Thảo V (nữ), sinh ngày 04/4/2014. Cháu Thảo V hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con. Chưa yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có nợ các khoản nợ sau:

1. Mượn nợ ông Nguyễn Văn L (là cha ruột) số tiền 250.000.000 đồng.

2. Mượn nợ bà Nguyễn Thị Mỹ L (là dì ruột) số tiền 140.000.000 đồng.

3. Mượn nợ ông Nguyễn Hoàng Đ (là em ruột) số tiền 100.000.000 đồng.

Chị D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Công Văn P đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng D và Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh P để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh P.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày: Vào năm 2019 ông L có cho chị D mượn số tiền 250.000.000 đồng để làm vốn buôn bán. Nay chị D và anh P ly hôn thì ông L chưa

có yêu cầu gì. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về số tiền trên thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Trước đây vào tháng 9/2019 vợ chồng chị Nguyễn Thị Mộng D và anh Công Văn P có mượn của bà L số tiền 140.000.000 đồng, do dì cháu nên không có làm biên nhận, D là người trực tiếp mượn và nhận tiền, mục đích D mượn tiền để mua bán cửa hàng vật tư nông nghiệp. Nay chị D và anh P ly hôn thì bà L chưa có yêu cầu gì. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về số tiền trên thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Đ trình bày: Vào ngày 19 tháng 8 năm 2019, chị D có mượn số tiền 100.000.000 đồng để làm vốn mua bán, do quan hệ chị em nên không có làm biên nhận. Nay chị D và anh P ly hôn thì ông Đ không có yêu cầu, vì số tiền mượn trên chị D đã thanh toán cho ông Đ hết nợ.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu gì thêm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L không yêu cầu chị D và anh P trả phần tiền mượn, khi nào có yêu cầu thì ông sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng D đối với bị đơn anh Công Văn P.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Mộng D và anh Công Văn P được ly hôn.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Mộng D được tiếp tục nuôi con chung tên Công Thị Thảo V (giới tính nữ) sinh ngày 04/4/2014, hiện nay cháu Thảo V đang chung sống với chị D. Chị D chưa yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị D khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Có, nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập, nên không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn và nuôi con". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

Về nội dung vụ án:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Đối với quan hệ hôn nhân, chị Ngyễn Thị Mộng D và anh Công Văn P tự nguyện kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị D và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị D cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh P không thể hàn gắn, chị D không còn tình cảm đối với anh P và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị D và anh P, xác định: Vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, mâu thuẫn bên trong của vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ thấy vợ chồng không còn sống chung một nhà, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống gia đình. Hơn nữa, anh chị đã ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay, thời gian ly thân kéo dài nhưng anh chị không thể tự hàn gắn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị D và anh P để hòa giải, nhưng anh P vắng mặt không lý do. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Dvà anh P thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị D và anh P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị D yêu cầu xin ly hôn với anh P là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, chị D vẫn cương quyết xin ly hôn với anh P nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D. Cho chị D và anh P được ly hôn.

[2]. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Mộng D và anh Công Văn P có 01 con chung tên Công Thị Thảo V (giới tính: nữ), sinh ngày 04/4/2014. Cháu Thảo V hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thảo V. Chị D chưa yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

[3]. *Về tài sản chung:* Chị D xác nhận không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. *Về nợ chung:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hoàng Đ không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đối với chị D và anh P khi có yêu cầu.

[5]. *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn Nguyễn Thị Mộng D phải nộp theo quy định pháp luật.

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 232 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 9, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Mộng D đối với anh Công Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng D đối với anh Công Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Công Thị Thảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 04/4/2014 cho chị Nguyễn Thị Mộng D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D chưa yêu cầu. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mộng D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mộng D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hoàng Đ không có yêu cầu độc lập, nên không xem xét.

Dành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hoàng Đ đối với chị Nguyễn Thị Mộng D và anh Công Văn P khi có phát sinh yêu cầu.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng D phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Mộng D đã nộp theo lai thu số 0001945 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bán án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Minh Chánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA